

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 19-6-2019

V/v tranh chấp ly hôn,
tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lương Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Dũng.

2. Ông Nguyễn Tuấn Lam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Tường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Ngô Hữu Ý - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 83/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2019, về tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2019/QĐXX-ST ngày 17 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Trần Minh Tr, sinh năm 1985;

Địa chỉ cư trú: ấp X, xã TP1, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Lê Thị Kha N, sinh năm 1990;

Địa chỉ cư trú: ấp X, xã TP1, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. (Vắng mặt lần thứ hai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/3/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Trần Minh Tr trình bày: Vào năm 2010, anh và chị Lê Thị Kha N cưới nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TP1, huyện HN, trước khi tiến tới hôn nhân có tìm hiểu nhau được hơn 01 tháng. Sau khi cưới vợ chồng anh chị sống với gia đình anh. Anh và chị N sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh thường xuyên nhậu, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi nhau nên đời sống chung không hạnh phúc, rồi chị Kha N bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ đó cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng không còn sống chung không có gặp nhau để bàn bạc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Lê Thị Kha N.

Về việc nuôi con: Trong thời gian chung sống, anh và chị Lê Thị Kha N có 01 con chung tên Trần Lâm S, sinh ngày 11/3/2010, hiện nay cháu Lâm S đang sống với chị Kha N. Nay ly hôn, tùy cháu Lâm S muốn ở với ai thì người đó nuôi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Ngoài ra, anh còn có 01 đứa con riêng là Trần Thị Ngọc T, sinh ngày 31/10/2006, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản: Anh và chị Kha N tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với chị Lê Thị Kha N, Tòa án đã triệu tập để hòa giải và xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự nhưng chị từ chối không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải và xét xử.

Tại bản khai ngày 01/4/2019, cháu Trần Lâm S trình bày: “Sau khi ba mẹ li hôn con muốn sống với mẹ là Lê Thị Kha N”.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Trần Minh Tr với chị Lê Thị Kha N; về con chung: chị Lê Thị Kha N được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Trần Lâm S, sinh ngày 11/3/2010, anh Tr không phải cấp dưỡng nuôi con; cháu Trần Thị Ngọc T, sinh ngày 31/10/2006 là con riêng của anh Tr và anh không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập đến; về tài sản chung và nợ chung: anh Tr và chị N tự thỏa thuận, nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đây là vụ kiện tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 và Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn chị Lê Thị Kha N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Trần Minh Tr và chị Lê Thị Kha N là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn và hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014. Xét yêu cầu ly hôn của anh Tr đối với chị N, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo lời trình bày của anh Tr tại phiên tòa hôm nay thì cuộc sống của anh và chị N không hạnh phúc nguyên nhân là do do anh thường xuyên nhậu, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi nhau nên đời sống chung không hạnh phúc, nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2012 cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng không còn sống chung không có gặp nhau để bàn bạc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đối với chị N thì Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến Tòa án để hòa giải, động viên cho vợ chồng đoàn tụ, nhưng chị vẫn cố tình không đến và cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của mình để Tòa án xem xét. Từ đó, có thể nhận thấy rằng mối quan hệ vợ chồng của anh Tr và chị N hoàn toàn không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Như vậy, xét thấy yêu cầu ly hôn của anh Tr là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014: *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”* và cũng phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, nên chấp nhận cho anh Trần Minh Tr ly hôn với chị Lê Thị Kha N.

[4] Về việc nuôi con: Trong thời gian chung sống, anh Tr và chị N có 01 con chung tên Trần Lâm S, sinh ngày 11/3/2010, hiện nay cháu Lâm S đang sống với chị N. Nay ly hôn, anh Tr đồng ý giao cháu Lâm S cho chị Kha N tiếp tục nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi anh Tr và chị N không còn sống chung thì cháu Lâm S sống với chị Kha N, vì vậy để ổn định cuộc sống của cháu cũng như phù hợp với nguyện vọng của

cháu, giao cháu Lâm S cho chị Kha N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và không buộc anh Tr cấp dưỡng nuôi con do chị Kha N không có văn bản yêu cầu. Nếu khi nào chị Kha N có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con thì chị có quyền khởi kiện một vụ kiện khác. Đối với cháu Trần Thị Ngọc T, sinh ngày 31/10/2006 là con riêng của anh Tr và anh không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[5] Về chia tài sản: Do anh Tr trình bày tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn chị N không gửi văn bản ghi ý kiến của mình để Tòa án xem xét, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc đương sự phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Điều 53, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Trần Minh Tr và chị Lê Thị Kha N.

2. Về việc nuôi con:

2.1. Chị Lê Thị Kha N được tiếp tục chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng cháu Trần Lâm S, sinh ngày 11/3/2010.

2.2. Anh Trần Minh Tr không phải cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí sơ thẩm: Anh Trần Minh Tr chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004251 ngày 13/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự.

4. Hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- UBND xã TP1;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Lương Bằng